

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản số: 21/2023/HS-ST

Ngày 23 - 5 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Văn Thịnh

Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Văn Kiêm

Ông Đinh Mạnh Huy

Bà Lê Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HS ngày 8 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Thị Thu H, sinh năm 1972, tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Số nhà 6, ngách 3/764, đường L, phố 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Nguyên Hiệu trưởng trường trung học cơ sở xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị xóa tên trong danh sách Đảng viên theo quyết định số 1597-QĐ/HU ngày 21/12/2022 của Huyện ủy Y; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Công Đ (liệt sỹ) và bà Đồng Thị B; có chồng Nguyễn Văn N (đã chết) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/11/2022 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Thu H theo chỉ định: Ông Lê Trọng Kim - Luật sư văn phòng Luật sư Lê Kim thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Phan Sỹ H1, sinh năm 1955; nơi cư trú: Phố K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

2. Ông Phan Văn P, sinh năm 1955; nơi cư trú: Phố K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

3. Bà Đinh Thị T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Phố T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

4. Ông Phạm Như X, sinh năm 1955; nơi cư trú: Phố 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số 183, đường T, phố K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

6. Ông Tạ Năng H2, sinh năm 1968; nơi cư trú: Phố 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

7. Bà Phan Thị N, sinh năm 1963; nơi cư trú: Phố K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Chị Phan Nguyễn Khánh H, anh Phạm Như V (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Thu H nguyên là Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, H có hai người con, con lớn là Nguyễn Minh A sinh năm 1998, con thứ hai là Nguyễn Minh T, sinh năm 2007, cùng trú tại Khu Phố 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Năm 2019 con trai lớn là Nguyễn Minh A đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, sau đó về nước và lao động tự do tại Quảng Ninh. Trong thời gian đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, Nguyễn Minh A nhiều lần vay tiền của người Việt Nam tại Nhật Bản và qua các ứng dụng vay tiền trên mạng Internet với tổng số tiền khoảng 2.800.000.000 đồng để đầu tư tiền ảo và đầu tư bất động sản nhưng đều bị thua lỗ, không có khả năng trả nợ. Để có tiền trả nợ cho con trai, Phạm Thị Thu H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác dưới hình thức đưa ra thông tin gian dối với những người quen biết là có mối quan hệ với nhiều lãnh đạo, có khả năng xin việc cho con, em họ vào biên chế nhà nước; xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất 313 sang đất ở và làm thủ tục hưởng chế độ bị nhiễm chất độc hóa học. Do tin tưởng thông tin Phạm Thị Thu H đưa ra là thật, từ tháng 9/2020 đến tháng 03/2022, đã có 06 cá nhân đưa hồ sơ cho H với tổng số tiền 2.930.000.000 đồng. Sau khi nhận hồ sơ của họ H mang đốt, tiêu hủy và dùng tiền để trả nợ cho con trai, cụ thể:

Vụ thứ nhất. Khoảng tháng 09/2020, do quen biết từ trước và tin tưởng vào thông tin mà Phạm Thị Thu H đưa ra, ông Phan Sỹ H, sinh năm 1955, trú tại phố K, thị trấn Y, Ninh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình nhờ H làm thủ tục chuyển đổi

540m² đất ao, vườn của gia đình ông H1 tại phố K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình sang đất ở. H đồng ý, ông H1 đưa cho H số tiền 510.000.000 đồng (một lần 50.000.000 đồng và một lần 460.000.000 đồng khi đưa tiền chưa viết giấy biên nhận) cùng hồ sơ để nhờ H làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng 540m² đất ao, vườn của gia đình thành 03 lô đất ở với diện tích mỗi lô là 180m². Ông H1 đợi mãi không thấy H làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho gia đình, ông gặp hỏi nhiều lần, sau đó ngày 30/01/2022, H có viết “Giấy biên nhận” nội dung Phạm Thị Thu H nhận số tiền 510.000.000 đồng của ông Phan Sỹ H1 ở K, thị trấn Y, để chuyển đổi mục đích sử dụng đất 313 sang đất ở. Sau khi nhận tiền và hồ sơ của ông Huỳnh, Hoài không nhờ ai làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho gia đình ông H1 mà mang hồ sơ ông H1 đưa đốt, tiêu hủy.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân huyện Y và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình xác định: các Cơ quan này không tiếp nhận, không giải quyết hồ sơ làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp (đất 313) sang đất ở đối với thửa đất của gia đình ông Phan Sỹ H1.

Như vậy, đủ cơ sở xác định Phạm Thị Thu H chiếm đoạt của ông Phan Sỹ H1 số tiền là 510.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng tháng 09/2020, do có mối quan hệ quen biết từ trước, ông Phan Văn P, sinh năm 1955, trú tại phố K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình đặt vấn đề nhờ Phạm Thị Thu H làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất 313 sang đất ở với diện tích 385m² đất ao của gia đình ông P ở phố K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và khoảng 360m² đất ao của gia đình bà Phan Thị N (chồng là Phạm Sỹ S, trú tại phố K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (bà N, ông S là thông gia với ông P). H nói chi phí chuyển đổi mỗi thửa đất hết 510.000.000 đồng, ông P đồng ý đưa cho H tổng số tiền 1.020.000.000 đồng (đưa làm 2 lần mỗi lần 510.000.000 đồng khi đưa tiền chưa viết giấy biên nhận) cùng hồ sơ của gia đình ông P và bà N để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Ông P đợi mãi không thấy H làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho gia đình, ông gặp hỏi nhiều lần, đến ngày 30/01/2022, H có viết “Giấy biên nhận” nội dung Phạm Thị Thu H nhận tổng số tiền 1.020.000.000 đồng của ông Phan Văn P và ông Phạm Sỹ S (N) để chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất 313 sang đất ở. Sau khi nhận tiền và hồ sơ của gia đình ông Phan Văn P và bà Phan Thị N, H không nhờ ai làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho gia đình ông P và bà N mà mang hồ sơ đốt, tiêu hủy.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân huyện Y và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình xác định: các Cơ quan này không tiếp nhận, không giải quyết hồ sơ làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp (đất

313) sang đất ở đối với thửa đất của gia đình ông Phan Văn P và bà Phan Thị N nêu trên.

Như vậy, đủ cơ sở xác định Phạm Thị Thu H chiếm đoạt của ông Phan Văn P số tiền 510.000.000 đồng, của bà Phan Thị N số tiền là 510.000.000 đồng.

Vụ thứ 3. Ông Phạm Như X, sinh năm 1955, trú tại Phố 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình là hàng xóm cạnh nhà Phạm Thị Thu H. Biết ông X là bộ đội xuất ngũ chưa được hưởng chế độ chính sách gì, nên khoảng đầu năm 2020, H đặt vấn đề làm thủ tục cho ông X được hưởng chế độ bị nhiễm chất độc hóa học với chi phí là 20.000.000 đồng. Do tin tưởng H nên ông X đã đưa cho H số tiền 20.000.000 đồng cùng hồ sơ để nhờ H làm. Tiếp đó, tháng 9/2020 H tiếp tục đặt vấn đề làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng 360 m² đất 313 của gia đình ông X đang canh tác tại xứ đồng Mang Cá, thuộc sau Bệnh viện huyện Y, thành 02 thổ mỗi thổ 180m², với số tiền mỗi thổ là 180.000.000 đồng, tổng số tiền chi phí là 360.000.000 đồng. Ông X đưa hồ sơ cho H và ngày 16/10/2020 con trai ông X là Phạm Như V đã chuyển khoản qua Ngân hàng đến số tài khoản của Phạm Thị Thu H số tiền 360.000.000 đồng. Tổng số tiền H đã nhận của ông X là 380.000.000 đồng, khi giao nhận tiền hai bên không có giấy biên nhận gì. Sau khi nhận tiền và hồ sơ ông X đưa, H không nhờ ai làm thủ tục hưởng chế độ nhiễm chất độc hóa học cho ông X và cũng không nhờ ai làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất ruộng sang đất ở cho ông X, hồ sơ ông X đưa H mang đốt, tiêu hủy. Sau nhiều lần ông X hỏi và đòi H đã trả cho ông X số tiền 10.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 370.000.000 đồng.

Kết quả xác minh tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Bình không có hồ sơ đề nghị hưởng chế độ trợ cấp đối với Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học của ông Phạm Như X. Đồng thời qua kiểm tra, rà soát danh sách đã và đang hưởng trợ cấp hành tháng thuộc quản lý của ngành Lao động - Thương binh và xã hội cũng không có tên ông Phạm Như X, sinh năm 1955, trú tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân huyện Y và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình xác định: các Cơ quan này không tiếp nhận, không giải quyết hồ sơ làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp (đất 313) sang đất ở đối với thửa đất của gia đình ông Phạm Như X.

Như vậy, đủ cơ sở xác định Phạm Thị Thu Hoài chiếm đoạt của ông Phạm Như X số tiền là 370.000.000 đồng.

Vụ thứ 4. Khoảng tháng 09/2020, thông qua mối quan hệ quen biết, bà Đinh Thị T, sinh năm 1972, trú tại phố T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình đặt vấn đề nhờ H xin việc cho con gái là Nguyễn Thị N, sinh năm 1993, vào biên chế tại Bệnh viện Công an tỉnh Ninh Bình, H đồng ý và thỏa thuận với bà T

chi phí hết 400.000.000 đồng. Do số tiền lớn vượt quá khả năng của gia đình nên bà T không xin việc cho con gái nữa. Sau đó, Phạm Thị Thu H đặt vấn đề với bà T nhận làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất 313 sang đất ở cho gia đình bà T. Tin tưởng thông tin H đưa ra là thật, bà T đã mua lại diện tích 540m² đất ruộng thửa số 326, tờ bản đồ số 8 tại xóm 5, T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình của gia đình ông Phạm Như X với số tiền là 105.000.000 đồng, sau đó nhờ H làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở diện tích 180 m² với chi phí hết 180.000.000 đồng, khi bà T đưa tiền cho H không có giấy biên nhận và cũng không đưa hồ sơ gì. Sau khi nhận tiền của bà T, H không nhờ ai làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất như đã hứa.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân huyện Y và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình xác định: các Cơ quan này không tiếp nhận, không giải quyết hồ sơ làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp (đất 313) sang đất ở đối với thửa đất của bà Đinh Thị T. Như vậy, đủ cơ sở xác định Phạm Thị Thu H chiếm đoạt của bà Đinh Thị T số tiền là 180.000.000 đồng.

Vụ thứ 5. Phạm Thị Thu H có mối quan hệ quen biết với bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1971, trú tại số nhà 183, đường T, khu P, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Tháng 06/2021, H vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 550.000.000 đồng, không có lãi suất. Đến cuối năm 2021, do cần tiền đi chữa bệnh, bà T đã gặp nhiều lần đòi H trả tiền, H đã trả cho bà T1 số tiền 45.000.000 đồng. Đến ngày 18/03/2022, bà T1 tiếp tục đến nhà gặp H đòi tiền, H đã đặt vấn đề xin việc cho con gái bà T1 là chị Phan Nguyễn Khánh H, sinh năm 1998 vào làm biên chế tại một trường tiểu học trên địa bàn thành phố Ninh Bình với chi phí là 450.000.000 đồng trừ vào số tiền H đang nợ bà T1. Do trước đó, chị H đã nộp hồ sơ tuyển dụng viên chức vào ngành giáo dục ở thành phố Ninh Bình nên khi H đặt vấn đề thì bà T1 đồng ý. Để bà T1 tin tưởng H viết “Giấy biên nhận” đề ngày 18/03/2022 nội dung Phạm Thị Thu H nhận số tiền 450.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T1, ở thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để lo cho cháu Khánh H (con chị T1) làm việc ở thành phố Ninh Bình, còn số tiền nợ 55.000.000 đồng H hứa sẽ trả dần, bà T1 và chị H không phải đưa hồ sơ, giấy tờ gì cho H. Sau đó, H không nhờ ai xin việc cho chị Phan Nguyễn Khánh H như đã thỏa thuận. Số tiền 450.000.000 đồng H không trả bà T1 mà chiếm đoạt số tiền trên.

Kết quả xác minh tại Phòng giáo dục và đào tạo thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, xác định: Hồ sơ của bà Phan Nguyễn Khánh H, sinh ngày 29/9/1998, trình độ Đại học Sư phạm chuyên ngành tiểu học, hộ khẩu thường trú: khu Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình được cấp kèm theo Tờ trình số 37/TTr-THLHP ngày 29/6/2022 của Hiệu trưởng trường tiểu học Lê Hồng Phong do bà Nguyễn Thị Thanh H, nhân viên y tế học đường trường tiểu học Lê Hồng Phong nộp trực tiếp cho bộ phận tổ chức phòng Giáo dục đào tạo. Như

vậy, đủ cơ sở xác định Phạm Thị Thu H chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 450.000.000 đồng.

Vụ thứ 6. Khoảng cuối năm 2020, ông Tạ Năng H2, sinh năm 1968, trú tại Phố 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình làm nghề lái xe Taxi và thường xuyên chở H đi công việc. Thời gian này, H giới thiệu với ông H2 là bản thân có nhiều mối quan hệ với lãnh đạo tỉnh Ninh Bình, đã xin được cho nhiều người vào làm việc tại các cơ quan Nhà nước. Cùng thời điểm này, ông H2 được gia đình ông Vũ Anh T, sinh năm 1966 và vợ là Vũ Thị H, sinh năm 1970, trú tại thôn Vân L, Vân B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình là thông gia với gia đình ông H2, nhờ xin việc cho con trai ông T, bà H là anh Vũ Anh D, sinh năm 1995 vào biên chế Nhà nước. Tin tưởng thông tin H đưa ra là thật nên ngày 08/02/2021 ông H2 đã đưa hồ sơ xin việc và số tiền 500.000.000 đồng (tiền của ông Tuấn, bà Hoa đưa) cho H để H xin việc cho cháu D vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình. Khi ông H2 đưa tiền, Phạm Thị Thu H có viết “Giấy biên nhận” nội dung H có nhận của ông Tạ Năng H2 số tiền 500.000.000 đồng để lo việc cho cháu D con ông T, bà H ở Vân B, K. Sau khi nhận hồ sơ và tiền ông H2 đưa, H mang hồ sơ đốt, tiêu hủy, không nhờ ai xin việc cho cháu D như đã hứa, còn số tiền ông H2 đưa H chiếm đoạt trả nợ cho con trai. Đến tháng 03/2022, không thấy H xin việc cho cháu D ông H2 nhiều lần hỏi H đã trả lại ông H2 số tiền 100.000.000 đồng, sau đó ông H2 đã trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho ông T, bà H. Biết việc ông H2 nhờ H xin việc cho cháu D nhưng không được, ông T liên tục đến nhà H yêu cầu trả lại số tiền 400.000.000 đồng còn lại, do không có tiền trả nên H đã viết “Giấy biên nhận” với nội dung vay của ông Vũ Anh T số tiền 400.000.000 đồng và hứa sẽ trả dần. Tuy nhiên, sau đó ông T, bà H yêu cầu ông H2 trả lại số tiền trên, nên ông Tạ Năng H2 đã lấy tiền của gia đình trả cho ông T, bà H số tiền 400.000.000 đồng.

Kết quả xác minh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình, xác định: Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình không tiếp nhận hồ sơ xin việc nào của anh Vũ Anh D, sinh năm 1995, Hộ khẩu thường trú tại thôn Vân L, Vân B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Như vậy, đủ cơ sở xác định Phạm Thị Thu H chiếm đoạt của ông Tạ Năng H2 số tiền là 400.000.000 đồng.

***Kết quả thu giữ tài liệu, trưng cầu giám định:**

Quá trình điều tra người bị hại giao nộp cho Cơ quan điều tra các tài liệu gồm:

- Ông Tạ Năng H2 giao nộp 01 Giấy biên nhận đề ngày 08/02/2021 nội dung Phạm Thị Thu H nhận số tiền 500.000.000 đồng của anh Tạ Năng H2 để lo việc cho cháu D, con anh T, chị H ở Vân B, K có chữ ký xác nhận mang tên Phạm Thị Thu H (ký hiệu A1).

- 01 Giấy biên nhận nội dung Phạm Thị Thu H vay số tiền 400.000.000 đồng của anh Vũ Anh T sinh năm 1966, ở thôn Vân B, xã K có chữ ký xác nhận mang tên Phạm Thị Thu H (ký kiểu A2).

- Ông Phan Sỹ H1 giao nộp: 01 Giấy biên nhận đề ngày 30/01/2022 nội dung Phạm Thị Thu H nhận số tiền 510.000.000 đồng của ông Phan Sỹ H1 ở K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để chuyển đổi mục đích sử dụng đất 313 sang đất ở, bên dưới có chữ ký người viết mang tên Phạm Thị Thu H (ký hiệu A3).

- Ông Phan Văn P giao nộp 01 Giấy biên nhận đề ngày 30/01/2022, nội dung Phạm Thị Thu H nhận số tiền 1.020.000.000 đồng của ông Phan Văn P và ông Phạm Sỹ S ở thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất 313 sang đất ở, bên dưới có chữ ký người viết giấy mang tên Phạm Thị Thu H (ký hiệu A4).

- Bà Nguyễn Thị T1 giao nộp 01 Giấy biên nhận đề ngày 18/03/2022 nội dung Phạm Thị Thu H nhận số tiền 450.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T1, ở thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để lo cho cháu Khánh H (con chị T1) làm việc ở thành phố Ninh Bình, bên dưới có chữ ký người viết giấy mang tên Phạm Thị Thu H (ký hiệu A5).

* Ngày 12/9/2022 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình Quyết định trưng cầu giám định số 91/CSHS-Đ4, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình giám định đối với các chữ viết, chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 so sánh với mẫu chữ viết, chữ ký của Phạm Thị Thu H có phải cùng một người viết ra, ký ra hay không.

Tại bản kết luận giám định số 686/KL-KTHS-TL ngày 21/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận “*Chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị Thu H trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 (trừ chữ ký, chữ viết dưới mục “Người cho vay” “Người làm chứng” trên A2) so với chữ ký, chữ viết của Phạm Thị Thu H tại các mục được mô tả trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là chữ do cùng một người ký, viết ra*”.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét chỗ ở của Phạm Thị Thu H tại khu Phố 6, thị trấn Yên Ninh, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì. Tại Cơ quan điều tra, bị can Phạm Thị Thu H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Quá trình điều tra, bị can Phạm Thị Thu H đã khắc phục hậu quả trả lại toàn bộ số tiền 2.930.000.000 đồng đã chiếm đoạt cho người bị hại, bằng cách chuyển nhượng cho mỗi người bị hại 01 mảnh đất tương ứng trong thửa đất số 118, tờ bản đồ số 24, địa chỉ tại số 6, phố 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình mang tên Phạm Thị Thu H giá trị tương đương với số tiền H đã chiếm đoạt, cụ

thể: Ông Phan Sỹ H1 số tiền 510.000.000 đồng, ông Phan Văn P số tiền 510.000.000 đồng, bà Phan Thị N (ông Phạm Sỹ S) số tiền 510.000.000 đồng, ông Phạm Như X số tiền 370.000.000 đồng, ông Tạ Năng H2 số tiền 400.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị T1 số tiền 450.000.000 đồng, bà Đinh Thị T số tiền 180.000.000 đồng. Những người bị hại không có yêu cầu đề nghị gì, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Phạm Thị Thu H.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSNB-P2 ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố Phạm Thị Thu H về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Thu H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị Thu H từ 7 đến 8 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/11/2022.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong cho các bị hại, những người bị hại không đề nghị gì thêm, nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Nhất trí với tội danh và điều luật của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Bị cáo H có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; bị cáo có bố đẻ là ông Phạm Công Đ là liệt sỹ; bản thân bị cáo quá trình công tác có nhiều thành tích xuất sắc được tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen; hiện tại bị cáo bị mắc nhiều bệnh tật; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại; người làm chứng; phù hợp với các giấy biên nhận do chính bị cáo viết; phù hợp với bản kết luận giám định: Số 686/KL-KTHS-TL ngày 21/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích có tiền để trả nợ cho con, trong thời gian từ tháng 09/2020 đến tháng 03/2022 Phạm Thị Thu H đã đưa ra các thông tin gian dối với những người quen biết ở huyện Y, tỉnh Ninh Bình là bản thân có mối quan hệ với nhiều lãnh đạo, có khả năng xin cho con, em họ vào biên chế Nhà nước, có khả năng xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở và làm thủ tục hưởng chế độ nhiễm chất độc hóa học, H đã nhận hồ sơ và tổng số tiền 2.930.000.000 đồng của 06 cá nhân gồm: Ông Phan Sỹ H1 510.000.000 đồng; ông Phan Văn P 1.020.000.000 đồng; ông Phạm Như X 370.000.000 đồng; bà Đinh Thị T 180.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T1 450.000.000 đồng và ông Tạ Năng H2 400.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, H đã tiêu hủy toàn bộ giấy tờ, hồ sơ, không thực hiện các nội dung như đã cam kết và chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên.

Hành vi trên của bị cáo Phạm Thị Thu H đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự .

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, do đó cần phải xử phạt nghiêm minh, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi lượng hình cần xem xét đến tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *phạm tội 02 lần trở lên* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả (xong toàn bộ); bị cáo có bố đẻ, ông Phạm Công Đ là liệt sỹ; bản thân bị cáo trong quá trình công tác có thành tích xuất sắc được tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen (nhân thân tốt); hiện tại bị cáo bị mắc nhiều bệnh tật, có hồ sơ bệnh án; những người bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; gia đình bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn: Bố mẹ chồng đã chết, bố đẻ là liệt sỹ, mẹ đẻ già yếu gần 80 tuổi, chồng mới chết, nhà đã bán để khắc phục hậu quả, con còn nhỏ đang ở nhờ nhà bác; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và nhiều tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên được áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, hiện không còn tài sản gì, nên Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là thoả đáng.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Thị Thu H đã khắc phục hậu quả, trả lại toàn bộ số tiền 2.930.000.000 đồng đã chiếm đoạt cho những người bị hại, những người bị hại không có yêu cầu đề nghị gì thêm, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[5] Về án phí: Bị cáo bị tuyên là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố:

Bị cáo Phạm Thị Thu H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Thu H** 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/11/2022.

2. Về án phí: Bị cáo Phạm Thị Thu H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại, có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (01 bản);
 - VKSND cấp cao (01 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
 - Phòng Kiểm tra thi hành án (04 bản);
 - Phòng PC02 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng PC 10 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Bị cáo (01 bản);
 - Bị hại (6 bản);
 - Trại giam (01 bản);
 - Luật sư (01 bản);
 - Sở tư pháp (01 bản);
 - Lưu hồ sơ (02 bản);
 - Lưu tòa, Tổ hành chính tư pháp (02 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tô Văn Thịnh

